TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 48/2017/DS-ST
Ngày 18 - 12 - 2017
V/v: "*Tranh chấp Hợp đồng chơi hụi*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đôc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Tứ Hải

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân-Th- ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia

Trong 02 ngày, ngày 12, 18 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 190/2016/TLST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2016 về "*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2017/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị N, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang

2. *Bị đơn*: - Bà T1, sinh năm 1968 (có mặt)

- Ông T2 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 8 năm 2016 và các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn chị N nh- sau: Tôi tham gia góp một dây hụi tháng do vợ chồng bà T1 và ông T2 làm chủ cụ thể sau đây:

Dây hụi 1.000.000đồng, mỡ ngày 30 tháng 02 năm 2013(âl), có 35 hụi viên, tôi đã góp đến lần thứ 20 bằng 20.000.000đồng, bà T1 có trả được cho tôi 3.600.000đồng, còn lại 16.400.000đồng.

Trong quá trình chơi hụi, bà T1 cho rằng bể hụi do các hụi viên không góp hụi, nhưng theo tôi biết thì các hụi viên đã góp đầy đủ cho bà T1 chứ không phải như lời bà T1 trình bày. Nay tôi yêu cầu bà T1, ông T2 phải trả cho tôi đủ số tiền nợ hụi còn lại 16.400.000đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 27 tháng 6 năm 2017 và các lời trình bày tiếp theo của bị đơn bà T1 như sau: Tôi có nhận tiền của cô Ngọc 9.544.000đồng. Đây là số tiền mà cô Ngọc đã góp sau mỗi lần khui hụi và tôi có trả được 3.600.000đồng, còn lại 5.944.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA BẢN ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, nhưng ông T2 vắng mặt không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với ông T2.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị N yêu cầu vợ chồng bà T1, ông T2 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền hụi còn nợ nên đây là "*Tranh chấp tiền hụi*".

[3] Ngày 27 tháng 6 năm 2017, Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa chị N đối với bà T1 nhằm để hai bên tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án kết quả được ghi nhận như sau:

- Giữa chị N và bà T1 đã thống nhất về số tiền và số lần đã góp vào dây hụi cho đến khi ngưng. Tuy nhiên, chưa thống nhất về cách thanh toán trả tiền nợ hụi cho nhau:

+ Theo chị Ngọc thì yêu cầu vợ chồng bà T1, ông T2 trả hụi chết sau mỗi lần chị góp hụi cụ thể: Dây hụi 1.000.000đồng mỡ ngày 30 tháng 2 (âl) năm 2013 đã góp được 20 lần x 1.000.000đ = 20.000.000đồng, bà T1 có trả được cho tôi 3.600.000đồng, còn lại 16.400.000đồng.

+ Theo bà T1 thì do bị dỡ hụi nên bà yêu cầu được trả lại cho chị N trên số tiền mà chị N đã góp sau mỗi lần khui hụi cụ thể: Dây hụi tháng 1.000.000đồng, mỡ ngày 30 tháng 2 (âl) năm 2013 đã góp được 20 lần bằng 9.544.000đồng, đã trả được 3.600.000đồng, còn lại 5.944.000đồng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà T1 là chủ hụi có tổ chức mở nhiều dây hụi tháng được nhiều người hưởng ứng tham gia, trong đó có chị N tham gia. Cụ thể như chị N là hụi viên tham gia chơi dây hụi tháng 1.000.000đồng. Việc tham gia chơi hụi nói trên là hoàn toàn tự nguyện của các bên tham gia, về quyền và nghĩa vụ của chủ hụi cũng như hụi viên được đảm bảo theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 24 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường. Như vậy, sự thỏa thuận góp hụi nói trên được các bên tham gia và đi vào thực hiện. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc góp họ thì do có hụi viên không thiện hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình nên chủ hụi không còn khả năng để tràn lắp và cuối cùng đã bị

dỡ hụi. Việc dỡ hụi này là không ai muốn nhưng có phần lỗi từ phía chủ hụi. Mặt khác, đối với hụi hưởng hoa hồng thì chủ hụi đã có hưởng lợi từ hoa hồng (tiền cò) và mỗi kỳ khui hụi cũng có tính lãi cho nhau đối với các hụi viên. Do đó, xét thấy yêu cầu của chị N là có căn cứ để chấp nhận.

- Bị đơn bà T1 trình bày giữa bà với ông T2 là vợ chồng nhưng số tiền hụi do bà làm chủ hụi có được bà dùng để chi xài cá nhân và do bị người khác giật hụi nên bà không có tiền trả cho nguyên đơn, còn ông T2 không tham gia chơi hụi nên bà không yêu cầu ông T2 cùng tham gia trả tiền nợ hụi với bà.

[5] Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu thiết yếu của gia đình. Tuy nhiên, bị đơn bà T1 và ông T2 là vợ chồng nhưng cả hai đều không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh được việc sử dụng tiền chơi hụi vào mục đích riêng của bà T1, không sử dụng vào sinh hoạt thiết yếu của gia đình và trong thời gian bà T1 làm chủ hụi thì ông T2 đều biết, do vậy ông T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà T1 là có cơ sở.

- Từ những phân tích nêu trên, cho thấy việc nguyên đơn chị N yêu cầu bị đơn bà T1 và ông T2 phải trả số tiền nợ hụi là 16.400.000đ (mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) là phù hợp.

[6] Ngoài ra, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T1, ông T2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi t- ơng ứng đối với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà T1, ông T2 phải nộp án phí có giá ngạch 5% theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 Qui định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*" cụ thể như sau: 16.400.000đ x 5% = 820.000đồng, nhưng bà T1, ông T2 được UBND xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang xác nhận là hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn về kinh tế, nghĩ nên có căn cứ để giãm 50% án phí cho bà T1, ông T2. Như vậy bà T1, ông T2 phải nộp cụ thể: 820.000đ x 50% = 410.000đ (bốn trăm mười nghìn đồng).

- Chị N đ- ợc nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 410.000đ (bốn trăm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009765, ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 24 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường:

- Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp Hợp đồng chơi hụi*" giữa nguyên đơn chị N đối với bị đơn bà T1, ông T2 chị Ngọc số tiền 16.400.000đ (mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng)

2. Áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T1, ông T2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi t- ơng ứng đối với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Xử buộc bà T1, ông T2 phải nộp án phí có giá ngạch 5% theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 Qui định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*" cụ thể nh- sau: 16.400.000đ x 5% = 820.000đồng, nhưng bà T1, ông T2 được UBND xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang xác nhận là hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn về kinh tế, nghĩ nên có căn cứ để giãm 50% án phí cho bà T1, ông T2. Như vậy bà T1, ông T2 phải nộp cụ thể: 820.000đ x 50% = 410.000đ (bốn trăm mười nghìn đồng).

- Chị N đ- ợc nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 410.000đ (bốn trăm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009765, ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 18 tháng 12 năm 2017, đương sự văng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Phòng Tư pháp huyện H;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ Tọa phiên tòa

Lê Văn Tám